TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: **22**/2023/QĐST-KDTM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Chương Mỹ, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2023/TLST–KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X . Trụ sở: Tầng H tòa nhà V, đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thi Phương M – Giám đốc chi nhánh theo Giấy ủy quyền số 67/2023/EIB/UQ – TGĐ ngày 29/3/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP X; Người uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Đỗ Tiến T

2. **Bị đơn:** 2.1. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993

2.2. Chị Phạm Thị Minh K, sinh năm 1994

Cùng cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện C, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1990 (anh ruột anh L1)

3.2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (vợ anh L2)

3.3. Cháu Nguyễn Phạm Minh Á, sinh năm 2019 (con anh L1, chị K)

3.4. Cháu Nguyễn Phạm Minh A, sinh năm 2022 (con anh L1 – chị K);

3.5. Cháu Nguyễn Văn Hải Đ, sinh năm 2017 (con anh L2, chị H);

3.6. Cháu Nguyễn Ngọc Linh C, sinh năm 2019 (con anh L2, chị H)

Cùng cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện C, thành phố Hà Nội

(Anh Nguyễn Văn L2, chị Phạm Thị Minh K, chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L1 theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023; anh L2, chị H là người đại diện theo pháp luật của cháu Đ, cháu C, anh L1, chị K là người đại diện theo pháp luật của cháu Á, cháu A)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Anh Nguyễn Văn L1, chị Phạm Thị Minh K có vay nợ ngân hàng TMCP X1. Hợp đồng tín dụng số: LAV210098466 và Khế ước nhận nợ số 1702LDS210000927 ký ngày 27/12/2021 số tiền giải ngân: 2.250.000.000 đồng. Hợp đồng thẻ tín dụng số: 02/VG/2022 ngày 14/01/2022 hạn mức cho vay là: 100.000.000 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng: anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị Minh K đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền theo hợp đồng tín dụng số LAV210098466 ngày 27/12/2021 là: 151.556.909 đồng (Trong đó: trả nợ lãi trong hạn: 151.192.142 đồng; phạt chậm trả lãi đã thanh toán: 364.767 đồng). Hợp đồng thẻ số 02/VG/2022 ngày 14/01/2022 là: 57.651.744 đồng. Sau đó vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh L1, chị K chưa trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP X

Anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị Minh K xác nhận nghĩa vụ còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 11/8/2023 là: 2.507.207.927 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LAV210098466 ngày 27/12/2021. Nợ gốc: 2.250.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 28.707.858 đồng; Nợ phí lãi chậm trả: 1.906.790 đồng; Nợ lãi gốc chậm trả: 167.917.808 đồng. Tổng: 2.448.632.456 đồng.

- Hợp đồng thẻ số: 02/VG/2022 ngày 14/01/2022 là: Nợ gốc: 42.348.256 đồng; Nợ phí: 400.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 14.951.153 đồng. Nợ lãi dự thu: 876.062 đồng. Tổng: 58.575.471 đồng

Anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị Minh K tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp tín dụng đã ký kết kể từ ngày 12/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

***2. Về xử lý tài sản đảm bảo*:**

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực, nếu anh L1, chị K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo của khoản vay để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 1, diện tích 400m^2 tại Thôn L, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 098187, số vào sổ cấp GCN số 00414 QSDĐ/157 QĐ/UB do UBND huyện C - H cấp ngày 21/02/2002, cập nhật biến động ngày 02/11/2021 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993, CCCD số 001093000863, thửa đất là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn L1 theo văn bản thỏa thuận tài sản riêng của vợ chồng số 2762 quyển số 01/2021 do V công chứng ngày 29/10/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh L1, chị K phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP X

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn L1, chị Phạm Thị Minh K tự nguyện nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trong trường hợp hòa giải thành là: 41.072.000 đồng

Ngân hàng TMCP X được hoàn trả 60.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ *(Theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076900 ngày 12/7/2023)*.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ ;
- Chi cục THADS H.Chương Mỹ;
- Lưu: HSVA, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Dũng